

TÊN GỌI, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA HĐND VÀ UBND, TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CỦA 75 XÃ, PHƯỜNG MỚI

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

STT	Tên xã, phường mới sau sắp xếp	Sáp nhập từ các đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Quy mô dân số (người)	Nơi đặt trụ sở và địa chỉ trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND phường/xã mới	Địa chỉ Trung tâm phục vụ hành chính công phường/xã mới
1	Phường Tô Hiệu	Nhập phường Quyết Thắng, phường Tô Hiệu, phường Chiềng Lè và phường Quyết Tâm thành phường Tô	11,92	51.293	Số 89, đường Lê Thái Tông, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Số 89, đường Lê Thái Tông, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
2	Phường Chiềng An	Nhập phường Chiềng An, xã Chiềng Xôm và xã Chiềng Đen thành phường Chiềng An	149,08	20.322	Bản Bó, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La.	Bản Bó, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
3	Phường Chiềng Cỏi	Nhập phường Chiềng Cỏi, xã Hua La và xã Chiềng Cọ thành phường Chiềng Cỏi	93,56	22.694	Số 55, đường Hoàng Quốc Việt, phường Chiềng Cỏi, tỉnh Sơn La.	Số 55, đường Hoàng Quốc Việt, phường Chiềng Cỏi, tỉnh Sơn La.
4	Phường Chiềng Sinh	Nhập phường Chiềng Sinh và xã Chiềng Ngần thành phường Chiềng Sinh	68,40	27.099	Số 486, đường Lê Duẩn, Tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La.	Điểm tiếp nhận tại trụ sở chính: Số 486, đường Lê Duẩn, Tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La
						Điểm tiếp nhận tại trụ sở UBND xã Chiềng Ngần (cũ): Bản Phường, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La
5	Phường Mộc Châu	Nhập xã Chiềng Hắc, phường Mộc Ly và phường Mường Sang thành phường Mộc Châu	167,62	21.087	Tổ dân phố 5, Phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Tổ dân phố 5, Phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
6	Phường Mộc Sơn	Nhập phường Mộc Sơn và phường Đông Sang thành phường Mộc Sơn	37,88	15.025	Tổ dân phố 2, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Tổ dân phố 2, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
7	Phường Vân Sơn	Nhập phường Bình Minh và phường Vân Sơn thành phường Vân Sơn	39,61	15.917	Tổ Dân phố đoàn kết, Phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La	Tổ Dân phố đoàn kết, Phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La
8	Phường Thảo Nguyên	Nhập phường Cờ Đỏ và phường Thảo Nguyên thành phường Thảo Nguyên	53,09	22.479	Tổ dân phố 40, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La	Tổ dân phố 40, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La

STT	Tên xã, phường mới sau sắp xếp	Sáp nhập từ các đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Quy mô dân số (người)	Nơi đặt trụ sở và địa chỉ trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND phường/xã mới	Địa chỉ Trung tâm phục vụ hành chính công phường/xã mới
9	Xã Đoàn Kết	Nhập xã Đoàn Kết và xã Chiềng Chung thành xã Đoàn Kết	240,66	17.938	Tiểu khu 3, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 3, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La
10	Xã Lóng Sập	Nhập xã Lóng Sập và xã Chiềng Khừa thành xã Lóng Sập	211,3	9.629	Bản Phát, xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La	Bản Phát, xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
11	Xã Chiềng Sơn	Nhập xã Chiềng Sơn và xã Chiềng Xuân (huyện Vân Hồ) thành xã Chiềng Sơn	204,9	14.155	Tiểu khu 4, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 4, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
12	Xã Tân Yên	Giữ nguyên do đã đạt tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số	192,79	18.380	Tiểu khu 12, xã Tân Yên, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 12, xã Tân Yên, tỉnh Sơn La
13	Xã Vân Hồ	Nhập xã Vân Hồ, xã Lóng Luông, xã Chiềng Yên và xã Mường Men thành xã Vân Hồ	268,40	24.998	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
14	Xã Song Khũa	Nhập xã Mường Tè, xã Song Khũa, xã Liên Hòa và xã Quang Minh thành xã Song Khũa	192,45	15.845	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa, tỉnh Sơn La	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa, tỉnh Sơn La
15	Xã Tô Múa	Nhập xã Chiềng Khoa, xã Suối Bàng, xã Tô Múa thành xã Tô Múa	181,98	14.701	Bản Mến, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La	Bản Mến, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La
16	Xã Xuân Nha	Nhập xã Xuân Nha và Tân Xuân thành xã Xuân Nha	263,37	10.127	Bản Thín, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La	Bản Thín, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La
17	Xã Quỳnh Nhai	Nhập thị trấn Mường Giàng, xã Chiềng Bàng, xã Chiềng Khoang và xã Chiềng Ôn thành xã Quỳnh Nhai	244,31	30.554	Tiểu khu 1, xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 1, xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
18	Xã Mường Chiên	Nhập xã Chiềng Khay, xã Cà Nàng và xã Mường Chiên thành xã Mường Chiên	382,20	14.028	Bản Có Nàng, xã Mường Chiên, tỉnh Sơn La	Bản Có Nàng, xã Mường Chiên, tỉnh Sơn La
19	Xã Mường Giôn	Nhập xã Mường Giôn và xã Pá Ma Pha Khinh thành xã Mường Giôn	290,54	16.145	Bản Chiềng Lề, xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La	Bản Chiềng Lề, xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La
20	Xã Mường Sại	Nhập xã Nậm É và xã Mường Sại thành xã Mường Sại	122,94	9.557	Bản Nong, xã Mường Sại, tỉnh Sơn La	Bản Nong, xã Mường Sại, tỉnh Sơn La

STT	Tên xã, phường mới sau sắp xếp	Sáp nhập từ các đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Quy mô dân số (người)	Nơi đặt trụ sở và địa chỉ trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND phường/xã mới	Địa chỉ Trung tâm phục vụ hành chính công phường/xã mới
21	Xã Thuận Châu	Nhập thị trấn Thuận Châu, xã Phổng Ly, xã Thôm Mòn, xã Tông Lạnh và xã Chiềng Pắc thành xã Thuận Châu	132,83	46.958	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
22	Xã Chiềng La	Nhập xã Chiềng La, xã Chiềng Ngàm, xã Nong Lay và xã Tông Cọ thành xã Chiềng La	126,13	20.373	Bản Huổi Lọng, xã Chiềng La, tỉnh Sơn La	Bản Huổi Lọng, xã Chiềng La, tỉnh Sơn La
23	Xã Nậm Lầu	Nhập xã Chiềng Bôm, xã Púng Tra và xã Nậm Lầu thành xã Nậm Lầu	247,63	18.095	Bản Tra, xã Nậm Lầu, tỉnh Sơn La	Bản Tra, xã Nậm Lầu, tỉnh Sơn La
24	Xã Muối Nọi	Nhập xã Muối Nọi, xã Bản Lầm và xã Bon Phặng thành xã Muối Nọi	128,70	15.633	Bản Muối Nọi A, Xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La	Bản Muối Nọi A, Xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La
25	Xã Mường Khiêng	Nhập xã Liệp Tè, xã Bó Mười và xã Mường Khiêng thành xã Mường Khiêng	204,20	24.570	Bản Khiêng, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La	Bản Khiêng, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La
26	Xã Co Mạ	Nhập xã Co Mạ, xã Co Tông và xã Pá Lông thành xã Co Mạ	214,28	14.560	Bản Co Mạ, xã Co Mạ, Tỉnh Sơn La	Bản Co Mạ, xã Co Mạ, Tỉnh Sơn La
27	Xã Bình Thuận	Nhập xã Phổng Lái và xã Chiềng Pha thành xã Bình Thuận	121,78	17.128	Bản Kiến Xương, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La	Bản Kiến Xương, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La
28	Xã Mường É	Nhập xã Mường É và xã Phổng Lập thành xã Mường É	139,91	14.858	Bản Phát Chấp, xã Mường É, tỉnh Sơn La	Bản Phát Chấp, xã Mường É, tỉnh Sơn La
29	Xã Long Hẹ	Nhập xã Long Hẹ và xã É Tông thành xã Long Hẹ	158,40	8.473	Bản Nong Lạnh, xã Long Hẹ, tỉnh Sơn La	Bản Nong Lạnh, xã Long Hẹ, tỉnh Sơn La
30	Xã Mường Bám	Giữ nguyên do cơ vị trí biệt lập khó kết nối với các đơn vị hành chính liền kề	76,16	10.731	Bản Nà Hát, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La	Bản Nà Hát, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La
31	Xã Mường La	Nhập Thị trấn Ít Ong, xã Nậm Pấm, xã Chiềng San, xã Chiềng Muôn, xã Mường Trai và xã Pi Toong thành xã Mường La	341,86	32.712	Tiểu khu 3, xã Mường La, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 3, xã Mường La, tỉnh Sơn La
32	Xã Chiềng Lao	Nhập xã Nậm Giôn, xã Chiềng Lao và xã Hua Trai thành xã Chiềng Lao	358,55	21.010	Bản Nà Nong, xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La	Bản Nà Nong, xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La
33	Xã Mường Bú	Nhập xã Mường Chùm, xã Tạ Bú và xã Mường Bú thành xã Mường Bú	213,65	25.284	Bản Giàn, xã Mường Bú, tỉnh Sơn La	Bản Giàn, xã Mường Bú, tỉnh Sơn La

STT	Tên xã, phường mới sau sắp xếp	Sáp nhập từ các đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Quy mô dân số (người)	Nơi đặt trụ sở và địa chỉ trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND phường/xã mới	Địa chỉ Trung tâm phục vụ hành chính công phường/xã mới
34	Xã Chiềng Hoa	Nhập xã Chiềng Ân, xã Chiềng Công và xã Chiềng Hoa thành xã Chiềng Hoa	296,48	17.644	Bản Tả, xã Chiềng Hoa, tỉnh Sơn La	Bản Tả, xã Chiềng Hoa, tỉnh Sơn La
35	Xã Ngọc Chiến	Giữ nguyên do đã đạt tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số	212,19	12.021	Bản Đông Xương, xã Ngọc Chiến, tỉnh Sơn La	Bản Đông Xương, xã Ngọc Chiến, tỉnh Sơn La
36	Xã Bắc Yên	Nhập thị trấn Bắc Yên, xã Phiêng Ban, xã Hồng Ngải và xã Song Pe thành xã Bắc Yên	195,23	21.825	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La
37	Xã Tà Xùa	Nhập xã Làng Chếu, xã Háng Đồng và xã Tà Xùa thành xã Tà Xùa	233,67	11.199	Bản Tà Xùa, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La	Bản Tà Xùa, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La
38	Xã Tạ Khoa	Nhập xã Mường Khoa, xã Hua Nhàn và xã Tạ Khoa thành xã Tạ Khoa	191,88	15.522	Bản Phúc, xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La	Bản Phúc, xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La
39	Xã Xím Vàng	Nhập xã Hang Chú và xã Xím Vàng thành xã Xím Vàng	232,35	7.596	Bản Hang Chú, xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La	Bản Hang Chú, xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La
40	Xã Pắc Ngà	Nhập xã Pắc Ngà và xã Chim Vàn thành xã Pắc Ngà	122,59	13.274	Bản Bưóc, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La	Bản Bưóc, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La
41	Xã Chiềng Sại	Nhập xã Phiêng Côn và xã Chiềng Sại thành xã Chiềng Sại	124,55	6.720	Bản En, xã Chiềng Sại, tỉnh Sơn La	Bản En, xã Chiềng Sại, tỉnh Sơn La
42	Xã Phù Yên	Nhập thị trấn Quang Huy, xã Huy Hạ, xã Huy Tường, xã Huy Tân và xã Huy Thượng thành xã Phù Yên	117,98	47.299	Tiểu Khu 4, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Tiểu Khu 2, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
43	Xã Gia Phù	Nhập xã Gia Phù, xã Tường Phù, xã Suối Bau và xã Sập Xa thành xã Gia Phù	111,32	21.929	Bản Tân Ba, xã Gia Phù, Tỉnh Sơn La	Bản Tân Ba, xã Gia Phù, Tỉnh Sơn La
44	Xã Tường Hạ	Nhập xã Tường Thượng, xã Tường Hạ, xã Tường Tiến và xã Tường Phong thành xã Tường Hạ	120,85	14.076	Bản Cóc 1, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La	Bản Cóc 1, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
45	Xã Mường Cơi	Nhập xã Mường Cơi, xã Mường Thái và xã Tân Lang thành xã Mường Cơi	194,98	19.557	Bản Ngã Ba, xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La	Bản Ngã Ba, xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La
46	Xã Mường Bang	Nhập xã Mường Do, xã Mường Lang và xã Mường Bang thành xã Mường Bang	270,15	12.831	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La

STT	Tên xã, phường mới sau sắp xếp	Sáp nhập từ các đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Quy mô dân số (người)	Nơi đặt trụ sở và địa chỉ trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND phường/xã mới	Địa chỉ Trung tâm phục vụ hành chính công phường/xã mới
47	Xã Tân Phong	Nhập xã Bắc Phong, xã Tân Phong và xã Nam Phong thành xã Tân Phong	135,45	6.787	Bản Vạn, xã Tân Phong, tỉnh Sơn La	Bản Vạn, xã Tân Phong, tỉnh Sơn La
48	Xã Kim Bon	Nhập xã Kim Bon và xã Đá Đỏ thành xã Kim Bon	104,51	9.873	Bản Kim Bon, xã Kim Bon, tỉnh Sơn La	Bản Kim Bon, xã Kim Bon, tỉnh Sơn La
49	Xã Suối Tọ	Giữ nguyên do đã đạt tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số	177,49	6.343	Bản Lũng Khoai, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La	Bản Lũng Khoai, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La
50	Xã Yên Châu	Nhập Thị trấn Yên Châu, xã Chiềng Đông, xã Chiềng Sàng, xã Chiềng Pằn, xã Chiềng Khoi và xã Sập Vạt thành xã Yên Châu	246,55	33.061	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
51	Xã Chiềng Hặc	Nhập xã Chiềng Hặc, xã Tú Nang và xã Mường Lựm thành xã Chiềng Hặc	239,91	18.721	Bản Suối Sét, xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La	Bản Suối Sét, xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La
52	Xã Lóng Phiêng	Nhập xã Lóng Phiêng và xã Chiềng Tương thành xã Lóng Phiêng	147,81	11.152	Bản Yên Thi, xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La	Bản Yên Thi, xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La
53	Xã Yên Sơn	Nhập xã Yên Sơn và xã Chiềng On thành xã Yên Sơn	116,62	12.614	Bản Chiềng Hưng, xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La	Bản Chiềng Hưng, xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La
54	Xã Phiêng Khoài	Giữ nguyên do đã đạt tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số	103,77	12.424	Bản Kim chung 1, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La	Bản Kim chung 1, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La
55	Xã Chiềng Mai	Nhập xã Chiềng Ban, xã Chiềng Mai, xã Chiềng Dong, xã Chiềng Ve và xã Chiềng Kheo thành xã Chiềng Mai	151,85	23.786	Bản Ban, xã Chiềng Mai, tỉnh Sơn La	Bản Ban, xã Chiềng Mai, tỉnh Sơn La
56	Xã Mai Sơn	Nhập thị trấn Hát Lót, xã Hát Lót và xã Cò Nòi thành xã Mai Sơn	164,4	52.361	Tiểu khu 4, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 4, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La
57	Xã Phiêng Pằn	Nhập xã Nà Ót, xã Phiêng Pằn và xã Chiềng Lương thành xã Phiêng Pằn	320,65	24.685	Bản Kết Hay, xã Phiêng Pằn, tỉnh Sơn La	Bản Kết Hay, xã Phiêng Pằn, tỉnh Sơn La
58	Xã Chiềng Mung	Nhập xã Chiềng Mung, xã Mường Bằng và xã Mường Bon thành xã Chiềng Mung	142,14	27.797	Bản Phát, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La	Bản Phát, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
59	Xã Phiêng Cầm	Nhập xã Chiềng Nọi và xã Phiêng Cầm thành xã Phiêng Cầm	280,33	14.459	Bản Nong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La	Nong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La
60	Xã Mường Chanh	Nhập xã Mường Chanh và xã Chiềng Chung thành xã Mường Chanh	101,47	11.275	Bản Cang Mường, xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La	Bản Cang Mường, xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La

STT	Tên xã, phường mới sau sắp xếp	Sáp nhập từ các đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Quy mô dân số (người)	Nơi đặt trụ sở và địa chỉ trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND phường/xã mới	Địa chỉ Trung tâm phục vụ hành chính công phường/xã mới
61	Xã Tà Hộc	Nhập xã Nà Bó và xã Tà Hộc thành xã Tà Hộc	149,56	13.692	Tiểu khu 8, xã Nà Bó, tỉnh Sơn La	Tiểu khu 8, xã Nà Bó, tỉnh Sơn La
62	Xã Chiềng Sung	Nhập xã Chiềng Sung và xã Chiềng Chăn thành xã Chiềng Sung	109,28	14.171	Bản Nong Bình, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La	Bản Nong Bình, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La
63	Xã Bó Sinh	Nhập xã Bó Sinh, xã Pú Bấu và xã Chiềng En thành xã Bó Sinh	153,83	16.461	Bản Phổng 2, xã Bó Sinh, tỉnh Sơn La	Bản Phổng 2, xã Bó Sinh, tỉnh Sơn La
64	Xã Chiềng Khương	Nhập xã Chiềng Khương và xã Mường Sai thành xã Chiềng Khương	149,82	18.712	Bản Hưng Hà, xã Chiềng Khương, tỉnh Sơn La	Bản Hưng Hà, xã Chiềng Khương, tỉnh Sơn La
65	Xã Mường Hung	Nhập xã Chiềng Cang và xã Mường Hung thành xã Mường Hung	226,09	24.613	Bản Cát, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La	Bản Cát, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La
66	Xã Chiềng Khoong	Nhập xã Chiềng Khoong và xã Mường Cai thành xã Chiềng Khoong	253,87	23.222	Bản Lướt, xã Chiềng Khoong, tỉnh Sơn La	Bản Lướt, xã Chiềng Khoong, tỉnh Sơn La
67	Xã Mường Lầm	Nhập xã Mường Lầm và xã Đứa Mòn thành xã Mường Lầm	167,1	15.647	Bản Mường Cang, xã Mường Lầm, Tỉnh Sơn La	Bản Mường Cang, xã Mường Lầm, Tỉnh Sơn La
68	Xã Nậm Ty	Nhập xã Nậm Ty và xã Chiềng Phung thành xã Nậm Ty	201,89	16.679	Bản Pàn, Xã Nậm Ty, tỉnh Sơn La	Bản Pàn, Xã Nậm Ty, tỉnh Sơn La
69	Xã Sông Mã	Nhập thị trấn Sông Mã và xã Nà Nghịu thành xã Sông Mã	105,99	26.179	Tổ dân phố 5, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Tổ dân phố 5, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La
70	Xã Huổi Một	Nhập xã Huổi Một và xã Nậm Mẩn thành xã Huổi Một	240,66	12.349	Bản Pá Mẩn, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La	Bản Pá Mẩn, xã Huổi Một, tỉnh Sơn La
71	Xã Chiềng Sơ	Nhập xã Yên Hưng và xã Chiềng Sơ thành xã Chiềng Sơ	140,31	17.145	Bản Luẩn, xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La	Bản Luẩn, xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La
72	Xã Sốp Cộp	Nhập xã Sốp Cộp, xã Mường Và và xã Nậm Lạnh thành xã Sốp Cộp	466,95	24.086	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La
73	Xã Púng Bính	Nhập xã Dôm Cang, xã Púng Bính và xã Sam Kha thành xã Púng Bính	364,64	17.264	Bản Kéo Hin, xã Púng Bính, tỉnh Sơn la	Bản Kéo Hin, xã Púng Bính, tỉnh Sơn la
74	Xã Mường Lạn	Giữ nguyên do đã đạt tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số	264,89	10.901	Bản Mường Lạn, xã Mường Lạn, tỉnh Sơn La	Bản Mường Lạn, xã Mường Lạn, tỉnh Sơn La
75	Xã Mường Lèo	Giữ nguyên do là xã biên giới có vị trí biệt lập, vị trí trọng yếu	375,76	4.277	Bản Mạt, xã Mường Lèo, tỉnh Sơn La	Bản Mạt, xã Mường Lèo, tỉnh Sơn La